

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 173/2023/DS-ST  
Ngày: 16 – 8 – 2023  
V/v tranh chấp về dân sự nợ hui

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Phạm Văn Liệt.
- Ông Lê Văn Dài.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Trà My là Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về dân sự nợ hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167B/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đào Thị T**, sinh năm 1968.

Địa chỉ cư trú: **Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

- Bị đơn: Chị **Lê Thanh T1 (T2)**, sinh năm 1980.

Anh **Nguyễn Văn T3**, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ cư trú: **Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

Bà **Đào Thị T** có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; chị **Lê Thanh T1 (T2)** và anh **Nguyễn Văn T3** vắng mặt lần hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà **Đào Thị T** trình bày:

Bà **Đào Thị T** có tham gia 02 dây hui, tên trong sổ hui là 10 Sỉ, do chị **Lê Thanh T1** (Tuyền) làm chủ hui. Bà **Đào Thị T** tham gia tổng cộng 05 chân hui. Cụ thể như sau:

+ Phần hui 1: 1.000.000 đồng/tháng, mở hui vào ngày 05/3/2021 dương lịch một tháng khui một lần vào ngày 05 tây, gồm có 30 hui viên tham gia. Bà **Đào Thị T** tham gia 03 phần, tính đến ngày 05/12/2021 bà **Đào Thị T** đóng được 10 lần tương đương với số tiền 20.100.000 đồng (Hai mươi triệu, một trăm nghìn đồng).

+ Phần hui 2: 2.000.000 đồng/tháng, mở hui vào ngày 05/3/2021 dương lịch một tháng khui một lần vào ngày 05 tây, gồm có 22 hui viên tham gia. Bà **Đào Thị T** tham gia 02 phần, tính đến ngày 05/12/2021 bà **Đào Thị T** đóng được 10 lần tương đương với số tiền 29.400.000 đồng (Hai mươi chín triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Sau đó chị **Lê Thanh T1 (T2)** đã trả cho bà **Đào Thị T** được 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), chị **Lê Thanh T1 (Tuyền)** còn nợ bà **Đào Thị T** số tiền 47.500.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

Tại đơn khởi kiện ngày 31/01/2023 bà **Đào Thị T** yêu cầu chị **Lê Thanh T1 (T2)** và anh **Nguyễn Văn T3** có trách nhiệm liên đới trả cho bà **Đào Thị T** số tiền nợ hui 47.500.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, ngày 27/6/2023 bà **Đào Thị T** có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu chị **Lê Thanh T1 (T2)** trả cho bà **Đào Thị T** số tiền nợ hui 47.500.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

- Bị đơn chị **Lê Thanh T1**, anh **Nguyễn Văn T3** không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

*Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

*Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

*Việc giải quyết vụ án:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Đào Thị T**. Buộc chị **Lê Thanh T1 (T2)** phải trả số tiền nợ hui cho bà **Đào Thị T** là 47.500.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

*Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:*

- Đơn khởi kiện (Bản chính); Sổ hộ khẩu (Bản photo); Căn cước công dân của bà **Đào Thị T** (Bản photo); 02 sổ hui (Bản chính); kết quả xác minh (Bản photo); Biên bản lấy lời khai bà **Đào Thị T** ngày 06/4/2023 và 26/4/2023 (Bản chính).



## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của bà **Đào Thị T** và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về dân sự nợ hui*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị **Lê Thanh T1 (T2)**, anh **Nguyễn Văn T3** cư trú tại **ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà **Đào Thị T** có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị **Lê Thanh T1 (T2)** được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà **T**, chị **T1 (T2)** theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của bà **Đào Thị T** về việc yêu cầu chị **Lê Thanh T1 (T2)** trả cho bà **T** số tiền nợ hui là 47.500.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

Xét thấy, sau khi thống nhất về hình thức hui, điều kiện làm thành viên, điều kiện làm chủ hui thì giữa bà **Đào Thị T** và chị **Lê Thanh T1 (T2)** đã xác lập giao dịch dân sự về hui. Tại thời điểm xác lập giao dịch về hui, bà **T** và chị **T2** có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định của pháp luật. Do đó, khi xác lập giao dịch về hui thì bà **T** và chị **T2** đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết giao dịch về hui được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên giao dịch về hui giữa bà **T** và chị **T2** có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 117 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà **T** xác định, bà **T** có tham gia 02 dây hui gồm 05 phần do chị **Lê Thanh T1 (Tuyên)** làm chủ. Theo thỏa thuận, dây hui do chị **T1 (T2)** mở là hui có hưởng hoa hồng. Theo đó, tại các kỳ mở hui thành viên bỏ hui cao hơn sẽ được lãnh hui và trả hoa hồng cho chủ hui.

Trong quá trình tham gia hui và thực hiện các giao dịch về hui, bà **T** xác định, giữa bà **T** và chị **T1 (T2)** có lập danh sách hui viên 05/3/2021. Trong quá trình tham gia chơi hui thì bà **Đỗ Thị T4** đã thực hiện nghĩa vụ đóng hui đầy đủ.

Tuy nhiên, sau đó chị **Lê Thanh T1 (T2)** tuyên bố vỡ hụi và không thực hiện nghĩa vụ của chủ hụi đối với hụi viên. Bà **Đào Thị T** xác định, bà **T** đã nhiều lần yêu cầu chị **T1 (T2)** trả khoản tiền nợ hụi nhưng chị **T1 (T2)** không trả. Như vậy, có cơ sở xác định chị **Lê Thanh T1** đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ hụi cho bà **Đào Thị T** theo thỏa thuận được quy định tại khoản 1 Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng cho chị **Lê Thanh T1 (T2)** nhưng chị **T1 (Tuyên)** không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án. Do đó, chị **T1 (T2)** phải tự chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình và phải chịu trách nhiệm đối với khoản tiền nợ hụi yêu cầu của chị bà **Đào Thị T**.

Tại đơn khởi kiện ngày 31/01/2023 bà **Đào Thị T** yêu cầu chị **Lê Thanh T1 (T2)** và anh **Nguyễn Văn T3** có trách nhiệm liên đới trả cho bà **Đào Thị T** số tiền nợ hụi 47.500.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án bà **Đào Thị T** không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc liên đới trách nhiệm đối với anh **Nguyễn Văn T3**. Vì vậy, ngày 27/6/2023 bà **Đào Thị T** có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu chị **Lê Thanh T1 (T2)** trả cho bà **Đào Thị T** số tiền nợ hụi 47.500.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) là phù hợp, nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, bà **Đào Thị T** yêu cầu chị **Lê Thanh T1 (T2)** trả cho bà **T** số tiền nợ hụi là 47.500.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình về quan điểm giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Đào Thị T** là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Đào Thị T** nên chị **Lê Thanh T1 (T2)** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 117, khoản 1 Điều 351, Điều 357, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Đào Thị T**.

Buộc chị **Lê Thanh T1 (T2)** trả cho bà **Đào Thị T** số tiền nợ hụi là 47.500.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).



Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Chị **Lê Thanh T1 (T2)** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.375.000 đồng (Hai triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà **Đào Thị T** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.187.000 đồng (Một triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016198 ngày 03 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Minh Trung**